

Số 2271/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 25 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Bồi thường, hỗ trợ dự án: Hệ thống
thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu**

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1943/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của UBND thành phố Lai Châu về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 994/TTr-TNMT ngày 18/11/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Trần Văn Mìn - Cư trú tại bản Phan Lìn, xã San Thành, thành phố Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ Chủ đầu tư phải chi trả là: 402.262.278 đồng.

(Bằng chữ: Bốn trăm linh hai triệu, hai trăm sáu mươi hai nghìn, hai trăm bảy mươi tám đồng).

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)

2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:

- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.

- Địa điểm tại Trụ sở UBND xã San Thành.

- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ thì hộ gia đình ông Trần Văn Mìn có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất, Ban quản lý dự án thành phố; Chủ tịch UBND xã San Thành, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Xiêng

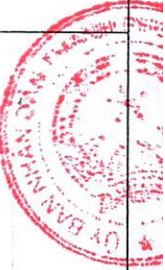


PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

Dự án: Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu

(Kèm theo Quyết định số: 2271/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2022 của UBND thành phố Lai Châu)

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Phương án thẩm định		Ghi chú
				Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	
9	Hộ gia đình: ông Trần Văn Mìn					
	Địa chỉ: bản Phan Lìn, xã San Thàng, thành phố Lai Châu					
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)					
					402.262.278	
a	Về đất				72.425.500	
1	Diện tích thu hồi	m ²	2.069,3			
2	Loại đất					
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	m ²	2.069,3	35.000	72.425.500	
	Vị trí (VT1) (KV1)					
	<p>Nguồn gốc: Thửa đất số 948; 1019 tờ bản đồ 112 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 467 235 do UBND thành phố cấp ngày 12/5/2012.</p> <p>Phần diện tích đất chồng lấn thửa đất số 7 TBD 112; một phần thửa đất số 8, 65 TBD số 120 đang quy đất DGT; một phần thửa đất số 965 TBD 112; thửa đất số 64 TBD 120 đang quy đất BCS là do sai số trong các lần đo đạc. Hiện trạng diện tích trên do gia đình ông Trần Văn Mìn đang sử dụng ổn định và có nguồn gốc cùng với thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên.</p> <p>Toàn bộ diện tích thu hồi gia đình sử dụng đất ổn định, không tranh chấp.</p>					
b	Tài sản vật kiến trúc				81.597.578	
b1	Tài sản tạo lập năm 2000 phục vụ sản xuất nông nghiệp, đúng mục đích sử dụng đất, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng, tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất bồi thường bằng 100% theo điểm c khoản 7 Điều 21 Quyết định 16/2020 ngày					
1	Đào đất thủ công (10*13*1) hồ nuôi vịt	m ³	130,0	82.500	10.725.000	
2	Mái PRXM (1,8*2)	m ²	3,6	46.200	166.320	
3	Lưới mắt cáo (1,0*20)	m ²	20,0	5.000	100.000	
4	Ống thép mã kẽm Φ 90	m	30,0	79.983	2.399.490	
5	Kè đá xây (40*1,7*0,6) kè giữ đất	m ³	40,8	392.700	16.022.160	
b2	Tài sản tạo lập năm 2013 phục vụ sản xuất nông nghiệp, không đúng mục đích sử dụng đất, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng, tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất (hỗ trợ 50% mức bồi thường theo điểm c khoản 7 Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)					
6	Ao đào không phân biệt cấp đất (1,2*995,9m2)	m ³	1.195,1	29.150	34.836.582	



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Phương án thẩm định		Ghi chú
				Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	
7	Dây điện trần phủ 2*4	m	200,0	5.927	1.185.300	
8	Kè xếp đá khan (2*20*0,6)	m ³	24,0	70.950	1.702.800	
9	Nền BT đá dăm dày 10 cm (cầu) (5*0,8)	m ²	4,0	41.800	167.200	
10	Ao đào không phân biệt cấp đất (1,2*358,2 m ²)	m ²	429,8	29.150	12.529.836	
11	Ống nhựa HDPE Φ 34	m	30,0	7.920	237.600	
12	Ống nhựa HDPE Φ 21	m	30,0	3.928	117.840	
13	Cống cuốn BT Φ 100-300	m	12,0	72.050	864.600	
14	Tường xây gạch bi T12cm công ao (2*2)+(2*1,5)	m ²	7,0	63.800	446.600	
15	Trát VXM không đánh màu (2*2)+(2*1,5)	m ²	7,0	13.750	96.250	
c	Cây trồng, vật nuôi				30.962.700	
c1	<i>Phần gia đình sử dụng đúng mục đích sử dụng đất (bồi thường bằng 100% theo Điều 14 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)</i>					
1	Cây lấy gỗ D50; H 8m: 1 cây gạo	m ³	1,6	480.000	753.600	
2	Cây mận bán kính phát tán từ 1-2 m	Cây	1,0	360.000	360.000	
3	Cây chanh bán kính phát tán từ 1-2 m	Cây	2,0	204.000	408.000	
4	Cây xoan D = 5-10 cm	Cây	7,0	30.000	210.000	
5	Cây hoa Ban đường kính gốc từ 10-25 cm	Cây	3,0	100.000	300.000	
6	Cây chuối cao trên 1,2 m	Cây	16,0	24.000	384.000	
7	Cây chuối cao dưới 1,2 m	Cây	10,0	18.000	180.000	
c2	<i>Phần gia đình tự ý chuyển đổi mục đích sử dụng đất, sai mục đích sử dụng đất, chuyển đổi không bị lập biên bản vi phạm hành chính, tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất (hỗ trợ bằng 50% mức bồi thường theo điểm c khoản 5 Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)</i>					
8	Sản lượng cá nằm trong phạm vi thu hồi 995,9m ² *0,3kg/m ²	kg	298,77	30.000	8.963.100	
9	Sản lượng cá nằm trong phạm vi ảnh hưởng 226,4 m ² *0,3kg/m ²	kg	67,92	30.000	2.037.600	

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Phương án thẩm định		Ghi chú
				Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	
10	Sản lượng cá nằm trong phạm vi thu hồi 358,2m ² *0,3kg/m ²	kg	107,46	30.000	3.223.800	
11	Sản lượng cá nằm trong phạm vi ảnh hưởng 1571,4 m ² *0,3kg/m ²	kg	471,42	30.000	14.142.600	
d	Chính sách hỗ trợ				217.276.500	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 3 lần giá đất bằng trồng cây hàng năm khác theo điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/m ²	2.069,3	105.000	217.276.500	

